HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26 /2023/NQ-HĐND	*Đắk Lắk, ngày 07 tháng 12 năm 2023*

NGHỊ QUYẾT

Về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 2024

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK
KHÓA X, KỲ HỌP THỨ BẢY

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ; Thông tư số 344/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác của xã, phường, thị trấn;

Xét Tờ trình số 184/TTr-UBND ngày 28 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc dự thảo Nghị quyết quy định tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 2024; Báo cáo thẩm tra số 261/BC-HĐND ngày 04 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Các khoản thu ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, ngân sách cấp xã hưởng 100%

1. Các khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100%: Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 1 Điều 1 tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017.

2. Các khoản thu ngân sách huyện, thị xã, thành phố (ngân sách cấp huyện) hưởng 100%: Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 2 Điều 1 tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017.

3. Các khoản thu ngân sách xã, phường, thị trấn (ngân sách cấp xã) hưởng 100%: Thực hiện theo tiết a.1 điểm a khoản 3 Điều 1 tại Nghị quyết số 07/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi từ năm 2017.

Điều 2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương

1. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách tỉnh với ngân sách cấp huyện và cấp xã

Nội dung các khoản thu	Ngân sách tỉnh	Ngân sách cấp huyện và cấp xã
a) Thuế giá trị gia tăng		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	80%	20%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	30%	70%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
b) Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	80%	20%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	30%	70%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
c) Thuế thu nhập cá nhân		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	80%	20%
- Chi Cục thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	30%	70%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
d) Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hoá, dịch vụ trong nước		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%

- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
đ) Thuế bảo vệ môi trường		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	100%	0%
+ Các huyện, thị xã còn lại	100%	0%
e) Thuế tài nguyên		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
f) Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
g) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
h) Tiền sử dụng đất		

- Các dự án thuộc tỉnh quản lý	100%	0%
- Các dự án thuộc cấp huyện quản lý và các khoản thu tiền sử dụng đất khác phát sinh trên địa bàn huyện, thị xã, thành phố	15%	85%
i) Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	80%	20%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	20%	80%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
k) Lệ phí môn bài		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%
l) Lệ phí trước bạ		
- Cục Thuế tỉnh quản lý thu:	100%	0%
- Chi cục Thuế quản lý thu:		
+ Thành phố Buôn Ma Thuột	0%	100%
+ Các huyện, thị xã còn lại	0%	100%

- Tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu tiền sử dụng đất cho ngân sách tỉnh nêu trên đã bao gồm: 5% chuyển cho Quỹ phát triển đất tỉnh và 10% để thực hiện công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quản lý vận hành trên địa bàn tỉnh.

- Không áp dụng tỷ lệ phân chia đối với nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được khấu trừ vào kinh phí bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng do người sử dụng đất đã tự nguyện ứng trước để chi bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng phát sinh thông qua việc ghi thu, ghi chi ngân sách. Sở Tài chính thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách tỉnh đối với các dự án do tỉnh quản lý; Phòng Tài chính - Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố thực hiện ghi thu, ghi chi ngân sách cấp huyện đối với các dự án do cấp huyện quản lý.

2. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu giữa ngân sách cấp huyện với ngân sách cấp xã.

a) Các khoản thu do Cục Thuế tỉnh quản lý thu phân chia cho ngân sách cấp huyện và cấp xã tại Khoản 1 Điều này, được để lại toàn bộ cho ngân sách cấp huyện, không phân chia cho ngân sách cấp xã.

b) Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa ngân sách cấp huyện và cấp xã đối với các khoản thu do Chi cục Thuế quản lý thu được quy định tại các Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai, thực hiện Nghị quyết này và báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh tại các kỳ họp; chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung và số liệu trong các phụ lục đính kèm.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, Kỳ họp thứ Bảy thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2023, được áp dụng từ năm ngân sách 2024 và thay thế Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa ngân sách các cấp chính quyền thuộc tỉnh Đắk Lắk từ năm 2022./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB QH tỉnh; UBMTTQ tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, UBND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở: TC, KH&ĐT, Tư pháp;
- Cục thuế tỉnh, KBNN tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm CN và Cổng TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, P.Ct HĐND.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Huỳnh Thị Chiến Hòa

PHỤ LỤC I

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Phường Thống Nhất	30%	56%	14%	30%	70%	0%	30%	56%	14%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	86%	14%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Phường Thành Nhất	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Phường Thành Công	30%	45%	25%	30%	70%	0%	30%	45%	25%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Phường Thắng Lợi	30%	53%	17%	30%	70%	0%	30%	53%	17%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	83%	17%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Phường Tân Lợi	30%	50%	20%	30%	70%	0%	30%	50%	20%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	80%	20%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Phường Tân An	30%	54%	16%	30%	70%	0%	30%	54%	16%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Phường Tự An	30%	32%	38%	30%	70%	0%	30%	32%	38%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Phường Tân Lập	30%	40%	30%	30%	70%	0%	30%	40%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Phường Tân Thành	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Phường Tân Tiến	30%	51%	19%	30%	70%	0%	30%	51%	19%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Phường Tân Hòa	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Phường Khánh Xuân	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Phường Ea Tam	30%	20%	50%	30%	70%	0%	30%	20%	50%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
14	Xã Hòa Thắng	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
15	Xã Hòa Thuận	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
16	Xã Cư Ebur	30%	0%	70%	30%	70%	0%	30%	0%	70%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
17	Xã Ea Tu	30%	22%	48%	30%	70%	0%	30%	22%	48%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
18	Xã Ea Kao	30%	8%	62%	30%	70%	0%	30%	8%	62%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
19	Xã Hòa Phú	30%	5%	65%	30%	70%	0%	30%	5%	65%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
20	Xã Hòa Khánh	30%	40%	30%	30%	70%	0%	30%	40%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%
21	Xã Hòa Xuân	30%	30%	40%	30%	70%	0%	30%	30%	40%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	20%	80%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC II

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

THỊ XÃ BUÔN HỒ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Cư Bao	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
2	Xã Ea Blang	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	35%	65%	100%	0%
3	Xã Ea Đrông	0%	45%	55%	0%	100%	0%	0%	90%	10%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	40%	60%	100%	0%
4	Xã Ea Siên	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	0%	100%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Bình Thuận	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	91%	9%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%
6	Phường Đoàn Kết	0%	84%	16%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	40%	60%	100%	0%
7	Phường Đạt Hiếu	0%	85%	15%	0%	100%	0%	0%	84%	16%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	30%	70%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	30%	70%	100%	0%
8	Phường Bình Tân	0%	94%	6%	0%	100%	0%	0%	94%	6%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	20%	80%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	45%	55%	100%	0%
9	Phường Thống Nhất	0%	94%	6%	0%	100%	0%	0%	96%	4%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	60%	40%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
10	Phường An Bình	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
11	Phường An Lạc	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	92%	8%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	50%	50%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	100%	0%
12	Phường Thiện An	0%	95%	5%	0%	100%	0%	0%	95%	5%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	60%	40%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	100%	0%

PHỤ LỤC III

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN EA H'LEO

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Ea Drăng	0%	85%	15%	0%	100%	0%	0%	85%	15%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	80%	20%
2	Xã Ea Khăl	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
3	Xã Ea Wy	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
4	Xã Cư Mốt	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
5	Xã Ea Răl	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
6	Xã Ea Dliê Yang	0%	40%	60%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
7	Xã Ea Sol	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
8	Xã Ea Hiao	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
9	Xã Ea Nam	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
10	Xã Ea H'Leo	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
11	Xã Ea Cư A Mung	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%
12	Xã Ea Tir	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	50%	50%

PHỤ LỤC IV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN EA SÚP

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Ea Súp	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	80%	20%
2	Xã Cư Mlan	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
3	Xã Ia Ea Bung	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
4	Xã Ia Cư Kbang	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
5	Xã Ea Rốk	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
6	Xã Ea Lê	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
7	Xã Ia Jlơi	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
8	Xã Ya Tờ Mốt	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
9	Xã Ia Lốp	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%
10	Xã Ia Rvê	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	80%	20%

PHỤ LỤC V

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN KRÔNG NĂNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Krông Năng	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Cư Klông	0%	50%	50%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Dăh	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Tam Giang	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea Tam	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Ea Toh	0%	95%	5%	0%	90%	10%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Tân	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Phú Lộc	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	95%	5%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Puk	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã ĐliêYa	0%	100%	0%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea Hồ	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Phú Xuân	0%	100%	0%	0%	90%	10%	0%	90%	10%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC VI

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN BUÔN ĐÔN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Ea Bar	0%	40%	60%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
2	Xã Tân Hòa	0%	30%	70%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
3	Xã Cuôr Knia	0%	20%	80%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
4	Xã Ea Nuôl	0%	30%	70%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
5	Xã Ea Wer	0%	20%	80%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
6	Xã Ea Huar	0%	70%	30%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
7	Xã Krông Na	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%

PHỤ LỤC VII

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN CƯ M'GAR

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Quảng phú	0%	90%	10%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	90%	10%
2	Thị trấn Ea Pốk	0%	60%	40%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
3	Xã Ea Kiết	0%	97%	3%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
4	Xã Ea Drơng	0%	95%	5%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
5	Xã Cư Suê	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	60%	40%
6	Xã Cuôr Đăng	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	60%	40%
7	Xã Ea Mnang	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
8	Xã Cư M'gar	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
9	Xã Ea Kpam	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
10	Xã Ea Tul	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
11	Xã Quảng Tiến	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
12	Xã Cư DLiê M'nông	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
13	Xã Ea Tar	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	50%	50%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
14	Xã Quảng Hiệp	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	80%	20%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
15	Xã Ea H'đing	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	70%	30%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
16	Xã Ea M'dróh	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%
17	Xã Ea Kuếh	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	60%	40%	0%	100%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	30%	70%

PHỤ LỤC VIII

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN EA KAR

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn EaKar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
2	Thị trấn EaKnốp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
3	Xã Ea Đar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
4	Xã Ea Ô	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
5	Xã Ea Pal	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
6	Xã Cư Yang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
7	Xã Xuân phú	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
8	Xã Ea Sô	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
9	Xã Cư Ni	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
10	Xã Ea K mút	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
11	Xã Cư Huê	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
12	Xã Cư Elang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
13	Xã Cư Prông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
14	Xã Cư Bông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
15	Xã Ea Tỷl	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%
16	Xã Ea Sar	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%

PHỤ LỤC IX

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN M'DRẮK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn M'Đrắk	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Ea Trang	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Cư Króa	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Cư M'Ta	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Krông Jing	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Krông Á	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Pil	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Ea Lai	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Riêng	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Ea M'Lay	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea M'Đoal	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Cư P'Rao	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Xã Cư San	0%	100%	0%	0%	70%	30%	0%	80%	20%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC X

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN KRÔNG PẮC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Phước An	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Hòa Đông	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Knuếc	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Kênh	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea Yông	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Hòa An	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Hòa tiến	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Tân Tiến	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã Ea Uy	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Yiêng	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Ea Kuăng	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
12	Xã Krông Búk	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
13	Xã Ea Kly	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
14	Xã Ea Phê	0%	90%	10%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
15	Xã Vụ Bổn	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
16	Xã Ea Hiu	0%	60%	40%	0%	100%	0%	0%	30%	70%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC XI

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN KRÔNG ANA

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Buôn Trấp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Dur Kmăl	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Bông	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Bình Hòa	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Quảng Điền	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Ea Na	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Băng Adrênh	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Dray Sáp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC XII

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN KRÔNG BÔNG

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Khuê Ngọc Điền	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
2	Xã Hòa Lễ	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
3	Xã Hòa Phong	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
4	Xã Cư Kty	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
5	Xã Hòa Tân	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
6	Xã Hòa Thành	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
7	Xã Hòa Sơn	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
8	Xã Ea Trul	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
9	Xã Dang Kang	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
10	Xã Cư Pui	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
11	Xã Cư Đrăm	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
12	Xã Yang Mao	0%	80%	20%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%
13	Thị trấn Krông Kmar	0%	90%	10%	0%	70%	30%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	85%	15%
14	Xã Yang Reh	0%	50%	50%	0%	100%	0%	0%	40%	60%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	50%	50%

PHỤ LỤC XIII

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN LẮK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Thị trấn Liên Sơn	0%	70%	30%	0%	70%	30%	0%	70%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Đắk Nuê	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Đắk Phơi	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Buôn Tría	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Buôn Triết	0%	70%	30%	0%	70%	30%	0%	70%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Bông Krang	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Yang Tao	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Đắk Liêng	0%	70%	30%	0%	70%	30%	0%	70%	30%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
9	Xã EaRBin	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
10	Xã Nam Ka	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
11	Xã Krông Nô	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

PHỤ LỤC XIV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024

HUYỆN CƯ KUIN

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Ea Tiêu	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Ea Ktur	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Ea Hu	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Ning	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Ea BHốk	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Cư Ewi	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Dray Bhăng	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
8	Xã Hòa Hiệp	0%	100%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%

ĐẮK

PHỤ LỤC XV

TỶ LỆ PHẦN TRĂM PHÂN CHIA NGUỒN THU GIỮA NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH XÃ TỪ NĂM 2024
HUYỆN KRÔNG BÚK

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 26/2023/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

TT	Xã, phường, thị trấn	Thuế giá trị gia tăng			Thuế thu nhập doanh nghiệp			Thuế thu nhập cá nhân			Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước		Thuế tài nguyên		Thuế sử dụng đất nông nghiệp		Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		Tiền sử dụng đất			Tiền cho thuê mặt đất, mặt nước			Lệ phí môn bài		Lệ phí trước bạ	
		NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NS Tỉnh	NSH	NSX	NSH	NSX	NSH	NSX
1	Xã Cư Né	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
2	Xã Chư Kbô	0%	75%	25%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
3	Xã Cư Pơng	0%	95%	5%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
4	Xã Ea Sin	0%	100%	0%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
5	Xã Pơng Drang	0%	90%	10%	0%	75%	25%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
6	Xã Tân Lập	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%
7	Xã Ea Ngai	0%	20%	80%	0%	50%	50%	0%	85%	15%	100%	0%	100%	0%	100%	0%	0%	100%	15%	85%	0%	0%	100%	0%	0%	100%	100%	0%